

Bản án số: 191/2022/HNGĐ-PT;

Ngày 29 tháng 12 năm 2022;

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.N

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Tôn Thị Xuân Thủy.

Các thẩm phán : Ông Trịnh Đăng Huân và Bà Phạm Thị Mai .

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Việt Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N tham gia phiên toà :
Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/12/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố H.N xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 147/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02/11/2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022 ngày 16/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đ.T.L, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, TP. H.N.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông N.A.P - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH A.P; Địa chỉ: 641 Q.T, phường P.L, quận H.Đ, thành phố H.N.

Ông L.Đ.M – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư N.N; Địa chỉ: Số 8A ngõ 22 phố T.Q.B, phường B.K; quận H.B.T, H.N.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Đ.V.C, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện H.Đ, thành phố H.N.

Người đại diện: Ông N.H.T; chức vụ: Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H.T.N; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H.Đ.

Bà H.T.N vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà T.T.S, sinh năm 1947; Trú tại: Thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Đ.V.T, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N.

Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Đ.V.D, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Đ.T.T, sinh năm 1982; Trú tại: Số nhà 9, ngách 51/30 đường L.P, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Đ.T.L, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Đ.T.A, sinh năm 1977.

Trú tại: Tổ dân phố C, phường Đ.M, quận N.T.L, TP. H.N.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông T.T.H, sinh năm 1941.

- Bà N.T.T, sinh năm 1951.

- Chị T.T.T, sinh năm 1970.

- Anh T.T.T, sinh năm 1978.

- Chị T.T.T, sinh năm 1980.

- Chị T.T.T, sinh năm 1983.

Cùng trú tại: Xã L.P, huyện H.Đ, TP. H.N.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà P.T.L, sinh năm 1935.
- Ông N.V.T, sinh năm 1964.
- Bà N.T.T, sinh năm 1968.
- Ông N.V.T, sinh năm 1972.
- Bà N.T.H, sinh năm 1976

Cùng trú tại: Thị Trấn Đ.N, huyện M.Đ, thành phố H.N.

- Ông N.V.T, sinh năm 1960.
- Ông N.V.T, sinh năm 1966.

Cùng trú tại: Số 245 C.V.A, phường 2, thành phố B.L, tỉnh L.Đ.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung bản án sơ thẩm nguyên đơn là bà N.T.L trình bày:***

Bà kết hôn với ông Đ.V.C năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L.P. Sau kết hôn, ông bà C sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do ông C đánh đập bà. Năm 2009, ông C bị bắt buộc cai nghiện, bà đi thuê nhà ở cho đến năm 2012 bà bỏ tiền ra xây dựng nhà ở. Năm 2019, hai bên tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, ông C bạo hành, đánh đập bà nên bà pH đi thuê nhà ở đến nay và hai bên sống ly thân từ đó đến nay, không còn tình cảm gì, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C .

- Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung là Đ.H.H, sinh ngày 30/6/2007, hiện đang ở với ông C. Nay ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công sức:

Bà và ông C có tài sản là quyền sử dụng 110m² đất tại thôn C.T, xã L.P huyện H.Đ, thành phố H.N, nguồn gốc tài sản này là do mẹ chồng bà mua đất làng nghề cho vợ chồng bà, mẹ chồng bà đã viết giấy tặng cho vợ chồng bà thừa đất này, toàn bộ giấy tờ do mẹ chồng bà giữ. Năm 2012, bà bỏ tiền xây thêm tầng 2 và tầng 3. Nay nguyện vọng của bà là sang tên nhà đất cháu Đ.H.H, là con chung của ông bà nH ông C không đồng ý.

Bà có ý kiến: Nguồn gốc thừa đất mà bà đang yêu cầu chia là do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T.T.H và các con vào năm 2013 (diện tích đất này nằm trong diện tích ông T.T.H được giao trong quyết định số 45/QĐUB ngày 12/01/2004 của UBND huyện H.Đ). Việc chuyển nhượng hai bên có lập Hợp đồng viết tay giữa vợ chồng bà với vợ chồng ông T.T.H và 03 con của ông H, hai bên chưa hoàn thiện thủ tục sang tên tại cơ quan có thẩm quyền, vì lý

do đất thuê nên không sang tên được. Các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 3 tầng diện tích 80 m²/1 sào, trong đó tầng 1 có sẵn khi nhận chuyển nhượng đất của ông H, tầng 2 và tầng 3 do vợ chồng bà xây dựng năm 2012; sân gạch đỏ làm năm 2012; tường bao và cổng có sẵn khi nhận chuyển nhượng. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo chỗ ở cho bà sau khi ly hôn vì bà không có nơi ở nào khác.

Bà thừa nhận trước khi vợ chồng ông H viết giấy chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà thì trước đó vợ chồng ông H đã chuyển nhượng diện tích đất này cho bà T.T.S. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà S xây dựng nhà 01 tầng trên đất, làm sân gạch, tường bao. Năm 2012 bà và ông C tiếp tục xây dựng 1 tầng, 1 tum trên nhà 1 tầng cũ. Sau khi xây dựng xong, vợ chồng bà sang thanh toán nốt số tiền còn nợ 2.000.000đ và ông H viết lại giấy chuyển nhượng đất đứng tên vợ chồng bà. Ông H không thu lại giấy chuyển nhượng đất cũ đã viết cho bà S. Toàn bộ giấy tờ chuyển nhượng này, bà giao cho bà S giữ hộ nên đến nay bà không có giấy tờ gì. Không có ai chứng kiến vợ chồng ông H viết ký lại giấy chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà.

Nay bà yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng, giao bà và con là Đ.H.H sử dụng toàn bộ 110m² đất tại Thôn C.T, bà thanh toán giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Đ.V.C bằng tiền.

Các tài sản gắn liền trên thửa đất gồm: 01 nhà 3 tầng, trong đó: Tầng 1, tường bao và cổng có từ khi nhận chuyển nhượng của ông H; tầng 2 và tầng 3 do bà và ông C xây dựng năm 2012; sân gạch đỏ làm năm 2012.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu chia tài sản nào khác.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Đ.V.C trình bày:

Ông kết hôn với bà Đ.T.L năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã L.P. Sau kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay bà L yêu cầu giải quyết ly hôn, ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà L có 01 con chung là Đ.H.H, sinh ngày 30/6/2007 đang ở cùng ông. Nay ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung gồm: Tầng 2 và tầng 3 (của nhà 3 tầng) do ông bà xây dựng năm 2012 trên diện tích đất 110m² ở thôn C.T của bà S (mẹ ông), ngoài ra không còn tài sản chung nào khác.

Bố ông là ông N.V.X, đã chết năm 2006. Bố mẹ ông có 05 người con gồm: ông Đ.V.C ; Đ.V.T, sinh năm 1973; Đ.V.D, sinh năm 1975; Đ.V.A, sinh năm 1977 và Đ.T.T, sinh năm 1982.

Nay bà L yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, ông đồng ý chia tài sản là tầng 2 và tầng 3, ông không đồng ý chia quyền sử dụng đất 110m² đất tại thôn C.T vì đây là đất là của bà S mua, bà S chỉ cho vợ chồng ông bà ở nhờ, chưa tặng cho hay chuyển nhượng. Hiện nay, bà S, ông (C), con gái là Đ.T.L và con trai Đ.H.H đang ở trên đất, ngoài ra không có ai khác.

- Về nợ chung: Không có.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T.T.S trình bày:**

Ngày 15/3/2004 bà nhận chuyển nhượng 109 m² đất của hộ gia đình ông T.T.H, địa chỉ thửa đất hiện nay thuộc đường H.T, thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N. Theo bà đây là diện tích đất của hộ ông T.T.H được giao theo Quyết định số 45/QĐUB ngày 12/01/2004 của UBND huyện H.Đ. Hai bên lập Hợp đồng chuyển nhượng viết tay, bà là người thanh toán trả ông H toàn bộ tiền chuyển nhượng đất. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng QSD đất của ông H, trên đất không có tài sản gì. Sau khi nhận bàn giao đất vợ chồng bà xây dựng nhà mái bằng (01 tầng) và các công trình khác hết phần diện tích của thửa đất. Cuối năm 2006, bà đồng ý cho con trai và con dâu là Đ.V.C và Đ.T.L về ở cùng trên thửa đất. Quá trình chung sống, bà cùng vợ chồng anh C, chị L xây dựng thêm 01 tầng và 01 tum, ngoài ra không còn công trình nào trên đất.

Việc nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông H, bà chưa làm thủ tục sang tên theo quy định do bà chưa có thời gian, bà cũng chưa tặng cho diện tích đất này cho ai, bà chỉ cho anh C, chị L ở cùng bà trên đất.

Chồng bà là ông N.V.X, đã chết năm 2006. Vợ chồng bà có 05 người con gồm: Đ.V.C, sinh năm 1971; Đ.V.T, sinh năm 1973; Đ.V.D, sinh năm 1975; Đ.V.A, sinh năm 1977 và Đ.T.T, sinh năm 1982.

Ông N.V.X có vợ chính thức là bà P.T.L, sinh năm 1935, ông X và bà L có 06 người con là: N.V.T, N.V.T, N.V.T, N.T.T, N.V.T và N.T.H. Bà L và các con ở huyện M.Đ, thành phố H.N.

Nay tranh chấp xảy ra, chị L yêu cầu được sử dụng và thanh toán tiền cho bà thì bà không đồng ý vì diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của bà. Tài sản là 01 tầng, 01 tum do công sức đóng góp của bà, anh C, chị L. Phần tài sản này đề nghị Tòa án định giá theo quy định, bà đồng ý thanh toán giá trị bằng tiền cho anh C, chị L. Bà xin vắng mặt khi Tòa án nhân dân các cấp tiến hành giải quyết vụ việc.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đ.V.D trình bày:**

Diện tích đất ở tại địa chỉ thôn C.T, xã L.P, H.Đ, H.N. Hiện nay chị L đang có tranh chấp với anh Đ.V.C (là anh trai anh) và gia đình anh bà T.T.S, là mẹ anh, anh có quan điểm như sau: Nguồn gốc đất có tranh chấp là của bố mẹ anh mua của ông T.T.H, bố mẹ anh chưa tặng cho ai diện tích đất này. Bố anh chết năm

2006. Nay tranh chấp xảy ra anh yêu cầu Tòa án xác định cho mẹ anh được toàn quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất trên, anh không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác. Anh xin vắng mặt khi Tòa án nhân dân các cấp giải quyết xét xử vụ án.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đ.T.T trình bày:***

Diện tích đất ở tại địa chỉ thôn C.T, xã L.P, H.Đ, H.N. Nay chị L đang có tranh chấp chị có quan điểm như sau: Nguồn gốc đất có tranh chấp là của bố mẹ chị mua của ông T.T.H vào năm 2006 khi anh trai chị chưa lấy chị L, bố mẹ chị chưa tặng cho và chuyển nhượng diện tích đất trên cho ai. Nay xảy ra tranh chấp chị yêu cầu Tòa án điều tra và giải quyết theo quy định của pháp luật về nguồn gốc mảnh đất trên của bố mẹ chị có quyền quyết định. Chị hoàn toàn theo quyết định của bố mẹ chị. Thửa đất và tài sản trên đất này thuộc quyền sở hữu của mẹ chị là bà T.T.S.

Hiện nay mẹ chị đang trực tiếp quản lý sử dụng. Do công việc nhà xưởng kinh doanh gần nhà bà S nên chị có gửi hàng hóa nhờ mẹ chị, hàng hóa thường X giao dịch không để cố định. Vợ chồng chị không trực tiếp ở trên mảnh đất này. Đến thời điểm hiện nay vợ chồng chị chưa có quyền lợi liên quan gì tới nhà và tài sản của bà S trên mảnh đất này. Ngoài ra, chị không có ý kiến yêu cầu gì khác. Chị xin vắng mặt khi Tòa án nhân dân các cấp giải quyết xét xử vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đ.T.A trình bày:***

Tên chị trong giấy khai sinh, Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu thường trú là Đ.T.A, tên thường gọi là Đ.T.V.A. Chị là con của ông Đ.V.X và bà T.T.S. Bố chị chết năm 2006. Bố mẹ chị sinh được 05 người con như mẹ chị và các anh chị em đã khai ngoài ra không còn người con nào khác. Nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp giữa chị L với anh C và gia đình chị là của bố mẹ chị mua của ông T.T.H sau đó bố mẹ chị xây dựng nhà 01 tầng, làm sân. Theo chị, bố mẹ chị chưa tặng cho và chuyển nhượng diện tích đất trên cho ai.

Năm 2006, anh C đưa chị L về ở cùng trên thửa đất và xây dựng thêm tầng 2 và tầng 3 trên ngôi nhà 1 tầng bố mẹ chị đã làm từ trước.

Nay tranh chấp xảy ra, nếu chị có quyền lợi liên quan trong khối tài sản này, đề nghị Tòa án giao cho mẹ chị là bà T.T.S được hưởng, chị không có yêu cầu ý kiến gì khác. Chị xin vắng mặt khi Tòa án nhân dân các cấp giải quyết xét xử vụ án.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đ.V.T trình bày:***

Anh là con của bà T.T.S và ông Đ.V.X. Ông X đã chết năm 2006. Bố mẹ anh sinh được 05 người con gồm: Đ.V.C, Đ.V.D, Đ.V.T, Đ.T.V.A và Đ.T.T. Nguồn gốc đất có tranh chấp hiện nay giữa chị Đ.T.L với anh Đ.V.C là của mẹ đẻ anh bà T.T.S nhận chuyển nhượng của ông T.T.H vào năm 2005. Sau khi nhận

chuyển nhượng bố mẹ anh xây dựng nhà 01 tầng và làm sân. Khoảng năm 2006, anh C đưa chị L về ở cùng và xây dựng thêm 02 tầng, làm mái tôn và mua sắm các đồ dùng vật dụng trong gia đình. Nay anh có quan điểm như sau: Chị L có công sức đóng góp vào việc xây dựng 02 tầng của khối tài sản này, đề nghị Tòa xem xét đảm bảo công bằng. Anh không yêu cầu giải quyết chia thừa kế tài sản của bố anh để lại trong vụ án này, anh đề nghị Tòa án tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi anh có yêu cầu.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T.T.H trình bày:** Ông và gia đình bà T.T.S, anh Đ.V.C có mối quan hệ là người cùng làng.

Năm 2004, nhà nước thu hồi 625 m² đất nông nghiệp của gia đình ông ở khu xóm T.P, xã L.P, huyện H.Đ chuyển thành đất chuyên dùng để vợ chồng ông thuê xây dựng xưởng dệt kim. Sau khi được giao đất, vợ chồng ông có chuyển nhượng khoảng hơn 100m² cho bà T.T.S (là mẹ đẻ anh C). Hai bên đã thanh toán xong tiền và bàn giao đất cho nhau xong, không có vướng mắc gì. Bà T.T.S là người trực tiếp thanh toán tiền cho ông, anh C và chị L không thanh toán cho ông khoản tiền nào. Khi mua đất, bà S có nói mua để cho anh C sử dụng, hai bên có lập giấy viết tay, bà S là người nhận chuyển nhượng, trên đất không có tài sản gì. Ông giữ hợp đồng chuyển nhượng, gần đây do mỗi một ông bỏ đi, hiện nay ông không còn lưu giữ tài liệu gì liên quan đến việc chuyển nhượng đất cho bà S. Quá trình quản lý và sử dụng đất của gia đình bà S, ông không biết ai là người đã xây dựng các tài sản trên đất.

Ông đã giao các văn bản, thông báo của Tòa án cho vợ và các con ông, vợ và các con ông không có ý kiến gì về việc hộ gia đình chuyển nhượng đất chuyên dùng của hộ gia đình cho bà T.T.S. Nay tranh chấp xảy ra, ông và gia đình ông vẫn giữ nguyên quan điểm về việc chuyển nhượng đất cho bà T.T.S, không thay đổi bổ sung ý kiến gì, không có quyền lợi gì liên quan. Ông xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà P.T.L trình bày;**

Bà và ông N.V.X có quan hệ là vợ chồng. Ông X có vợ hai là bà T.T.S. Ông X chết năm 2006. Bà và ông X có 06 người con là: N.V.T, N.V.T, N.V.T, N.T.T, N.V.T và N.T.H. Ngoài ra, bà và ông X không có người con nào khác.

Nay con trai và con dâu của bà S là Đ.T.L và Đ.V.C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H.Đ giải quyết việc ly hôn và có tranh chấp tài sản là Quyền sử dụng đất 110m², tài sản gắn liền trên đất thuộc thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N, bà có quan điểm như sau: Nếu bà được hưởng quyền lợi thừa kế của ông X trong vụ án này thì bà xin từ chối không nhận và bà đồng ý giao toàn bộ kỷ phần của bà được hưởng cho bà T.T.S sở hữu, sử dụng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

Bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân các cấp giải quyết, xét xử vụ án trên, bà không thay đổi, bổ sung ý kiến đã trình bày, đề nghị Tòa án không báo gọi bà Ln Tòa án để làm việc.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông N.V.T, ông N.V.T, ông N.V.T, bà N.T.T, ông N.V.T và bà N.T.H cùng trình bày :**

Bố mẹ đẻ của các ông bà là ông N.V.X và bà P.T.L. Ông X đã chết năm 2006, ông X có bà vợ hai là bà T.T.S.

Ông X và bà L có 06 người con là: N.V.T, N.V.T, N.V.T, N.T.T, N.V.T và N.T.H. Ngoài ra, ông X và bà L không có người con nào khác.

Nay con trai và con dâu của bà S là chị Đ.T.L và anh Đ.V.C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H.Đ giải quyết việc ly hôn và có tranh chấp tài sản là Quyền sử dụng đất 110m², tài sản gắn liền trên đất thuộc thôn C.T, xã L.P, huyện H.Đ, thành phố H.N, các ông bà có quan điểm như sau: Nếu ông, bà được hưởng quyền lợi thừa kế của ông X trong vụ án này thì các ông, bà từ chối không nhận và đồng ý giao toàn bộ kỹ phần của các ông, bà được hưởng cho bà T.T.S sở hữu, sử dụng. Ngoài ra, các ông bà không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

Các ông bà không thay đổi, bổ sung ý kiến đã trình bày, đề nghị Tòa án không báo gọi các ông bà Ln Tòa án để làm việc. Các ông bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân các cấp giải quyết, xét xử vụ án trên

*** Tại Công văn số 1231/TNMT ngày 05/11/202, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H.Đ có quan điểm:** Theo Quyết định số 45-QĐ/UB ngày 12/01/2004 của UBND huyện thể hiện 625 m² là đất nông nghiệp được chuyển thành đất chuyên dùng và giao cho hộ kinh doanh cá thể là ông T.T.H ở xóm T.P, xã L.P thuê xây dựng xưởng dệt kim trong đó diện tích thuê được xây dựng là 531 m²; diện tích làm giao thông và công trình công cộng là 94m².

Đối tượng được quyền sử dụng Quyết định số 45-QĐ/UB ngày 12/01/2004 của UBND huyện là hộ kinh doanh cá thể ông T.T.H.

Thời hạn sử dụng quyết định số 45-QĐ/UB ngày 12/01/2004 của UBND huyện là 30 năm.

Với nội dung trên tại bản án số 311 /2022 ngày 25/7/2022 của tòa án nhân dân huyện H.Đ đã Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 82; Điều 83; Điều 33; Điều 59; **Điều 61** của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.L. Về hôn nhân: Bà Đ.T.L được ly hôn ông Đ.V.C. Về con chung: Giao cháu Đ.H.H, sinh năm 2007 cho ông Đ.V.C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con. Ghi nhận ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con do bà L tự nguyện thực hiện. Bà Đ.T.L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Về tài sản: Tạm giao bà T.T.S được quyền sử dụng diện tích đất 111,2m² tại địa chỉ: Thôn C.T, xã L.P huyện H.Đ, thành phố H.N thuộc diện tích đất do UBND huyện H.Đ giao hộ kinh doanh cá thể T.T.H thuê xây dựng nhà xưởng theo quyết định số 45-QĐ/UB ngày 12/01/2004 của UBND huyện H.Đ cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bà T.T.S được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất này.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ.V.C không yêu cầu bà S thanh toán giá trị tài sản phát triển trên đất.

Bà T.T.S có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản phát triển trên đất cho bà Đ.T.L số tiền: 358.836.000đ (Ba trăm năm mươi tám triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Bản án sơ thẩm còn xác định án phí và dành quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự đều giữ nguyên ý kiến như trình bày tại cấp sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét lại về phần phân chia tài sản giải quyết giao cho bà L được ở lại ngôi nhà chung của hai vợ chồng và có trách nhiệm thanh toán phần tài sản mà ông C được hưởng. Giao bà L quyền trực tiếp chăm sóc con chung là cháu Đ.H.H.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ.T.L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng:

Bà Đ.T.L có mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/7/2022, nộp đơn kháng cáo ngày 04/8/2022 và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được coi là kháng cáo hợp lệ.

[2].Tòa án nhân dân huyện H.Đ, xác định tranh chấp Hôn nhân & Gia đình và giải quyết đúng thẩm quyền cũng như thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

[3].Nội dung kháng cáo của bà Đ.T.L về phần con chung và phần tài sản.

Về con chung: Bà L và ông C có 01 con chung là Đ.H.H, sinh ngày 30/6/2007. Từ năm 2019, khi bà L đi khỏi nhà, cháu H ở cùng với ông C. Nay ly hôn, ông C và bà L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của ông C và bà L là nguyện vọng chính đáng. Điều kiện nuôi con của ông C và bà L là ngang nhau. Tuy nhiên, hiện nay cháu H đang có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cùng ông C, mặt khác cháu H có nguyện vọng được ở cùng ông C gửi Hội đồng xét xử phúc thẩm, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao cháu H cho ông C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông C tự nguyện không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà C là không có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung:

- Về quyền sử dụng đất: Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích thực tế của thửa đất đang có tranh chấp là: 111,2 m².

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và tài liệu chứng cứ do Tòa án đã thu thập được, xác định 111,2m² đất tại thôn C.T, xã L.P huyện H.Đ, thành phố H.N là loại đất chuyên dùng do UBND huyện H.Đ giao hộ kinh doanh cá thể T.T.H thuê xây dựng nhà xưởng theo quyết định số 45-QĐ/UB ngày 12/01/2004 của UBND huyện H.Đ, thời hạn thuê là 30 năm. Như vậy, theo quy định loại đất này không được chuyển nhượng. Xét thấy, các đương sự đều không có ý kiến gì về hợp đồng chuyển nhượng đất giữa hộ ông T.T.H và bà T.T.S nên Tòa án không xem xét về hiệu lực của hợp đồng. Bà L khi thì cho rằng bà và ông C được bà S tặng cho diện tích đất này, khi thì cho rằng đã mua lại của ông T.T.H và yêu cầu phân chia quyền sử dụng đất, tuy nhiên bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để xác định phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà L ông C. Hiện nay, bà T.T.S đang quản lý sử dụng và ở tại thửa đất này. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tạm giao bà S được tiếp tục sử dụng diện tích đất này cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản gắn liền với đất: Ông C và bà L đều thống nhất có tài sản chung gồm tầng 2 và tầng 3 (của nhà 3 tầng) xây dựng năm 2012 trên thửa đất 111,2 m² ở thôn C.T, có tổng giá trị giá là: 717.673.000đ. Cấp sơ thẩm Phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông C mỗi người hưởng 1/2 giá trị tài sản là: 717.673.000đ: 2 = 358.836.000đ là phù hợp quy định tại Điều 33, Điều 59 và Điều 61 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Ông C tự nguyện không yêu cầu bà S thanh toán giá trị tài sản trên đất phù hợp với quy định nên được ghi nhận. Bà S đề

ngiht được sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thanh toán giá trị công sức cho ông C và bà L ;bà S có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bà L số tiền: 358.836.000đ .

Là phù hợp nên kháng cáo của bà L không có cơ sở chấp nhận.

[4].Do y án sơ thẩm nên bà L phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử :I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ.T.L giữ nguyên bản án sơ thẩm số 311/2022/HNGĐ-ST ngày 25/7/2022 của tòa án nhân dân Huyện H.Đ cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Bà Đ.T.L được ly hôn ông Đ.V.C.

- **Về con chung:** Giao cháu Đ.H.H, sinh năm 2007 cho ông Đ.V.C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Ghi nhận ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con do bà L tự nguyện thực hiện.

Bà Đ.T.L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản:** Tạm giao bà T.T.S được quyền sử dụng diện tích đất 111,2m² tại địa chỉ: Thôn C.T, xã L.P huyện H.Đ, thành phố H.N thuộc diện tích đất do UBND huyện H.Đ giao hộ kinh doanh cá thể T.T.H thuê xây dựng nhà xưởng theo quyết định số 45-QĐ/UB ngày 12/01/2004 của UBND huyện H.Đ cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bà T.T.S được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất này.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ.V.C không yêu cầu bà S thanh toán giá trị tài sản phát triển trên đất.

Bà T.T.S có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản phát triển trên đất cho bà Đ.T.L số tiền: 358.836.000đ (Ba trăm năm mươi tám triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên pH thi hành án không thi hành thì pH chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thỏa thuận của các bên NH không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

II. Về án phí sơ thẩm : Bà Đ.T.L pH chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 17.941.000đ (mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2020/0015123 ngày 24/5/2021 và 4.370.000đ (bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2020/0015173 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.Đ, thành phố H.N. Bà L còn pH nộp: 13.571.000đ (mười ba triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

II. Án phí phúc thẩm: Bà Đ.T.L pH chịu án phí phúc thẩm Hôn nhân & Gia đình. Bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0015899 ngày 04-8- 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.Đ, thành phố H.N.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29-12-2022./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP H.N;
- Chi cục THA dân sự huyện H.Đ; H.N;
- TAND Huyện H.Đ
- Lưu: Văn Phòng, HS.

TÔN THỊ XUÂN THỦY

